

Số: **3995** /BC-BNN-KTHT

Hà Nội, ngày **01** tháng **12** năm **2010**

BÁO CÁO

Kết quả chỉ đạo thực hiện Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn II và định hướng giai đoạn 2011-2015

Thực hiện sự phân công của Chính phủ tại Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 về việc chỉ đạo thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo kết quả chỉ đạo và tổ chức thực hiện giai đoạn 2006 - 2010 như sau:

Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006, Chương trình có mục tiêu chung là *"Tạo sự chuyển biến nhanh về sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất gắn với thị trường; cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn một cách bền vững, giảm khoảng cách phát triển giữa các dân tộc và giữa các vùng trong cả nước. Phấn đấu đến năm 2010, cơ bản không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống còn dưới 30%; trên 70% số hộ đạt được mức thu nhập bình quân đầu người trên 3,5 triệu/năm vào 2010"*.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có nhiệm vụ: Chủ trì, phối hợp với ủy ban Dân tộc hướng dẫn địa phương thực hiện Hợp phần Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc trên địa bàn các xã thuộc Chương trình (gọi tắt là Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất).

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TỪ 2006 - 2010

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

1. Thành lập Ban chỉ đạo: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Quyết định số 2263/QĐ-BNN-TCCB ngày 08/8/2007 thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo và 135 giai đoạn 2006 - 2010, gồm 11 thành viên là Lãnh đạo các đơn vị liên quan trong Bộ, do 01 Thứ trưởng làm Trưởng Ban để giúp Bộ trưởng chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ giao.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện dự án

a. Ban hành 03 Thông tư và 01 sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án:

- Thông tư số 01/2007/TT-BNN ngày 15/01/2007 và Thông tư số 79/2007/TT-BNN ngày 20 tháng 9 năm 2007 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 01/2007/TT-BNN (theo Thông tư liên tịch số 676/2006/TTLT của liên bộ hướng dẫn thực hiện CT 135)

- Thông tư hướng dẫn số 12/2009/TT-BNN ngày 06/3/2009 (sau khi có Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 676) .

- Ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án và tổ chức 06 lớp tập huấn cho 158 tiểu giáo viên của các tỉnh để họ tiếp tục tập huấn cho cán bộ cơ sở (xã, thôn). Sổ tay đã phân bổ xuống các xã 135 và các đơn vị trực tiếp chỉ đạo 135 ở các tỉnh.

b. Ban hành các văn bản để chỉ đạo và giải quyết kịp thời những kiến nghị của địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch được giao.

c. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn triển khai dự án sau khi có các văn bản mới ban hành.

d. Kiện toàn tổ chức thực hiện dự án ở địa phương: Rà soát, kiến nghị với UBND các tỉnh giao nhiệm vụ chỉ đạo dự án cho Sở Nông nghiệp và PTNT, trực tiếp là Chi cục Phát triển nông thôn các tỉnh. Đến nay 48/49 địa phương có Chương trình (trừ Vĩnh Phúc) đã thực hiện đúng yêu cầu trên.

e. Tổ chức kiểm tra thực hiện dự án:

- Chủ động tổ chức các đoàn kiểm tra của Bộ đi kiểm tra, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án ở các tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Quảng Ninh, Bình Định, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Bình Thuận, Long An, Tiền Giang.v.v.

- Tham gia đầy đủ các đoàn công tác liên ngành và đánh giá định kỳ do Ủy ban Dân tộc và Hội đồng Dân tộc Quốc hội tổ chức tại: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thanh Hóa, Nghệ An, Gia Lai, Kon Tum, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Lâm Đồng.v.v.

g. Chỉ đạo các đơn vị trong Bộ, Sở Nông nghiệp và PTNT các địa phương lồng ghép các nguồn lực do ngành quản lý để hỗ trợ các xã thuộc Chương trình 135.

h. Phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan đề nghị Chính phủ nâng mức hỗ trợ từ Ngân sách TW để thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất từ 120 triệu đồng/xã/năm (năm 2006-2007) lên 200 triệu đồng/xã/năm (2008) đến năm 2009 đã tăng lên 300 triệu đồng/xã/năm. Tham gia đàm phán với Ngân hàng Thế giới (WB) bổ sung 100 triệu USD hỗ trợ cho CT 135 từ năm 2009, hỗ trợ từ các nhà tài trợ khác như EU, Phần Lan, Vương quốc Anh, v.v.

i. Hoàn thành các báo cáo định kỳ, đột xuất; báo cáo phục vụ công tác giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và trả lời chất vấn của cử tri tại các kỳ họp của Quốc hội.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1. Kiện toàn và tăng cường hệ thống tổ chức thực hiện ở địa phương

- Hầu hết các tỉnh đã kiện toàn, củng cố Ban Chỉ đạo chương trình 135 giai đoạn II, từ cấp tỉnh đến huyện, xã.

- Tăng cường năng lực, phân cấp cho xã làm chủ đầu tư thực hiện chương trình và dự án trên địa bàn như: Đồng Tháp (100%), Tây Ninh (100%), Tuyên Quang (100%), Bắc Kạn (100%), Yên Bái (100%), Lai Châu (100%), Hòa Bình (100%), Quảng Ninh (100%), Hà Tĩnh (100%), Quảng Ngãi (100%), Lâm Đồng (100%), Các địa phương chưa thể phân cấp cho xã làm chủ đầu tư, đã giao cho UBND huyện làm chủ đầu tư để kịp tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch được giao.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch được giao từ 2006 - 2010

Ngày 26/7/2010 Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Công văn 2376/BNN-KTHT yêu cầu các địa phương tổng kết 5 năm thực hiện dự án gửi về Bộ trước 31/8/2010. Đến nay đã có 49/50 địa phương báo cáo (*Thừa Thiên Huế chưa có báo cáo*), trong đó báo cáo chính thức bằng văn bản là 45/49 tỉnh. Qua tổng hợp kết quả thực hiện của các địa phương báo cáo về như sau:

a. Kết quả giải ngân đạt 1.739.682 triệu đồng/1.931.397 triệu đồng vốn kế hoạch được giao, đạt 90,07% kế hoạch được giao (*Ước thực hiện đến hết năm 2010 đạt 100% kế hoạch*).

Nhiều địa phương đã hoàn thành kế hoạch được giao: Bình Thuận (113,05%), Kiên Giang (105,6%), Thái Nguyên (100,1%), Quảng Ninh

(100,07%), Phú Thọ (100,06%), Phú Yên (100,02%), Bà Rịa Vũng Tàu (100%), Bình Định (100%), Đắk Lắk (100%), Lâm Đồng (100%), Tây Ninh (100%), Bình Phước (100%), Hậu Giang (100%), Sóc Trăng (100%), Tuyên Quang (100%), Ninh Bình (100%), Nghệ An (100%), Cà Mau (100%), Hà Tĩnh (100%), Bắc Giang (100%), kết quả cụ thể như sau:

b. Số lượng hộ được hưởng lợi 2.243.987 hộ

c. Nội dung thực hiện:

- Hỗ trợ giống cây trồng trên 400 tỷ đồng, gồm: giống cây lương thực trên 12.000 tấn và gần 75 triệu cây công nghiệp, đặc sản và cây lâm nghiệp phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Hỗ trợ giống vật nuôi gần 390 tỷ đồng gồm: gia súc trên 300.000 con, gia cầm trên 1.300.000 con, thủy sản trên 18 triệu con.

- Hỗ trợ trên 480.000 tấn với giá trị gần trên 215 tỷ đồng vật tư chủ yếu phục vụ sản xuất như phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi.v.v.

- Tập huấn, hướng dẫn cách làm ăn và chuyển giao kỹ thuật cho khoảng 927.000 lượt người.

- Hỗ trợ trên 250.000 máy, thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất, bảo quản và chế biến sản phẩm với giá trị khoảng 345 tỷ đồng.

- Xây dựng trên 6.600 mô hình để phổ biến và nhân rộng với kinh phí trên 170 tỷ đồng.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

3. Kết quả huy động và lồng ghép các nguồn lực để thực hiện

- Tổng hợp báo cáo của các tỉnh, các địa phương đã huy động, lồng ghép các nguồn lực do ngành quản lý để hỗ trợ các xã thuộc Chương trình 135 như: Khuyến nông, khuyến lâm khuyến ngư; Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chuyển đổi cây trồng thay thế cây chứa chất ma túy; phát triển hạ tầng nông thôn; Thủy lợi.v.v. Với tổng số vốn trên 13.600 tỷ đồng, trong đó: NSTW trên 10.500 tỷ đồng.

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức Quốc tế hỗ trợ trực tiếp cho địa phương để thực hiện các dự án phát triển sản xuất, giảm nghèo, phát triển hạ tầng nông thôn, nước sạch và vệ sinh môi trường.v.v. Với tổng số vốn trên 1.900 tỷ đồng.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

a. Dự án không chỉ nhằm mục đích xoá đói giảm nghèo, mà còn góp phần thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn. Chương trình đã đi vào cuộc sống, đã phát huy được sự sáng tạo, ý chí, nguồn lực của người dân toàn xã hội, làm thay đổi cơ bản diện mạo nông thôn vùng dân tộc, miền núi đặc biệt khó khăn; đời sống đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện, tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh; trình độ dân trí được nâng lên, tập quán và kỹ thuật sản xuất của đồng bào dân tộc có sự chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hoá và được đánh giá là chương trình hợp lòng dân, thiết thực với người nghèo. Huy động lồng ghép được nhiều nguồn lực của xã hội và cộng đồng quốc tế và được các đối tác phát triển và nhân dân đồng tình ủng hộ, nhất là đối tượng nghèo.

b. Sau gần 5 năm thực hiện đã khẳng định:

- Dự án đã trực tiếp tác động đến các đối tượng nghèo. Với việc hỗ trợ vật tư, giống, vốn, thiết bị kèm theo là tập huấn kiến thức, kỹ thuật.v.v. đã giúp nâng cao kiến thức sản xuất cho các đối tượng được hỗ trợ, giúp cho hộ nghèo phát triển sản xuất, góp phần quan trọng vào thành tích xoá đói giảm nghèo ở địa phương, kết hợp với các hợp phần khác của chương trình 135 đã làm thay đổi khá rõ bộ mặt các xã khó khăn.

- Dự án đã tác động nâng cao trình độ và kiến thức về xây dựng và quản lý dự án cho cán bộ cơ sở nhất là cán bộ xã, mặc dù Dự án được triển khai ở các xã khó khăn, đa phần là cán bộ xã non yếu, những năm đầu chỉ có khoảng 10% số xã có đủ điều kiện làm chủ đầu tư đến nay đã có trên 80% xã đảm nhận được nhiệm vụ này.

- Quy chế dân chủ ở nông thôn được thực hiện ngày càng sâu rộng thông qua việc bình xét, công khai đối tượng, mức hỗ trợ và giám sát thực hiện dự án.

Hầu hết các địa phương chọn đối tượng hỗ trợ đã cơ bản đúng đối tượng theo quy định. Phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm được thể hiện ngày càng rõ nét ở địa bàn các xã 135. Nhà nước hỗ trợ kinh phí; ban hành cơ chế, chính sách; tổ chức tập huấn, đào tạo... Người dân tự bỏ công sức, tiền vốn, vay vốn ngân hàng; tự tổ chức sản xuất...

- Đã tác động, tạo chuyển biến rất rõ rệt của các cấp, các ngành, từ huyện đến tỉnh trong quản lý chương trình. Dự án có liên quan trực tiếp đến người dân, nhất là trong việc phân cấp quản lý phân công chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

2. Những khó khăn, mặt hạn chế chủ yếu

a. Việc thực hiện hỗ trợ còn mang nặng tính bao cấp cho các hộ, nhóm hộ, vì vậy những đối tượng được hỗ trợ có tính ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước. Các mô hình sản xuất chưa thực sự bền vững, nhiều mô hình đã không phát huy tác dụng sau khi kết thúc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Việc nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển sản xuất hàng hoá để hướng dẫn các hộ nghèo và người dân trong khu vực tiếp cận với sản xuất hàng hoá chưa được quan tâm đúng mức. Chưa gắn kết chuyên gia tiến bộ khoa học kỹ thuật với sản xuất, sản xuất với chế biến, thu mua và tiếp thị.

b. Chất lượng công tác tập huấn khuyến nông, nâng cao kiến thức cho đối tượng nghèo còn chưa cao, hiệu quả sản xuất còn thấp, vì vậy người dân khó thoát nghèo bền vững. Phương pháp khuyến nông cũng chưa thực sự phù hợp với đặc điểm, phong tục, tập quán, ngôn ngữ của từng vùng, từng dân tộc.

c. Trình độ đội ngũ cán bộ cơ sở tuy có được nâng lên, nhưng nhìn chung còn yếu, chưa đảm bảo là yếu tố nòng cốt cho phát triển lâu dài, việc đầu tư đào tạo, bồi dưỡng kiến thức còn hạn chế

3. Nguyên nhân: Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất triển khai chậm và chất lượng nhiều nơi còn hạn chế, là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

a. Địa bàn triển khai ở vùng sâu, vùng xa, miền núi và đối tượng hỗ trợ là các hộ nghèo, trình độ dân trí thấp nên khả năng tiếp thu tiến bộ kỹ thuật còn bị hạn chế làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện; khả năng tiếp cận của cán bộ cơ sở cũng như các hộ này còn khó khăn. Trong khi đó lực lượng cán bộ khuyến nông rất thiếu và yếu. Nên kết quả thực hiện công tác này còn hạn chế. Như thế

b. Nhiều tỉnh được thụ hưởng chương trình 135 thường chỉ quan tâm tới dự án xây dựng cơ sở hạ tầng rất ít quan tâm chỉ đạo, giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc của Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, thường chờ chỉ đạo của cấp trên. *Hầu hết các tỉnh hoặc huyện chưa xây dựng quy hoạch tổng thể* phát triển nông lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 hoặc không dựa vào quy hoạch tổng thể; chưa xác định được những cây, con lợi thế cần tập trung phát triển thành sản phẩm hàng hoá lâu dài của địa phương. Do đó thiếu căn cứ để định hướng cho các đối tượng nghèo ngay từ đầu để tham gia vào chương trình sản xuất hàng hoá, có cơ hội thoát nghèo bền vững như mục tiêu dự án đề ra.

c. Một số văn bản hướng dẫn của Trung ương chưa được ban hành kịp thời, hoặc có nhưng một số nội dung chưa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Cụ thể: Thông tư liên tịch số 676/2006/TTLT và Thông tư số 01/2007/TT-BNN chưa phù hợp với thực tế, sau gần một năm đã phải sửa thành Thông tư số 79/2007/TT-BNN; đến tháng 1/2009 lại phải điều chỉnh nhiều mặt tồn tại bằng Thông tư 01/2008/TTLT và Thông tư 12/2009/TT-BNN.

d. Nhiều quy định của Thông tư liên Bộ không phù hợp, nhưng trong thời gian dài không được điều chỉnh nên đã tác động xấu, không nhỏ đến tiến độ và chất lượng Chương trình như: quy định giao vốn của ngành tài chính không phù hợp thời vụ sản xuất nông nghiệp, thủ tục giải ngân phức tạp dẫn đến lỡ vụ sản xuất (*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã kiến nghị nhiều lần, xong chưa được cơ quan chức năng điều chỉnh*), không bố trí kinh phí quản lý chỉ đạo dự án cho cơ quan trực tiếp chỉ đạo thực hiện (trong điều kiện kinh phí hành chính khoán, các xã nghèo đều ở vùng sâu, vùng xa đi lại rất khó khăn) nên cán bộ huyện, tỉnh đều ngại đi cơ sở.

e. Nhiều địa phương chưa chấp hành tốt chế độ báo cáo, gây khó khăn cho Bộ và các cơ quan hữu trách trong việc tổng hợp, đánh giá tình hình và đề xuất sửa đổi chính sách, phương pháp chỉ đạo.

g. Chương trình 135 nói chung và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nói riêng còn thiếu việc xây dựng bộ chỉ số để đánh giá sâu, đầy đủ, khách quan hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án để làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách, phương pháp chỉ đạo những năm tới.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

1. Sự cần thiết tiếp tục hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn

Chính sách giảm nghèo là chính sách lớn, lâu dài của Đảng ta. Hiện tại tỷ lệ nghèo ở vùng nông thôn nước ta là 12%, trong đó ở những xã đặc biệt khó khăn tỷ lệ nghèo là trên 20% (*Chính phủ đã ban hành chuẩn nghèo mới thì tỷ lệ này sẽ cao hơn nữa*). Bởi vậy, mặc dù chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới có Đề án về xoá đói giảm nghèo nhưng giai đoạn 2011 - 2015 vẫn rất cần phải có chính sách đặc thù giúp giảm nghèo nhanh hơn cho các xã này, nhằm đảm bảo công bằng xã hội, một trong những nhân tố đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Do bối cảnh đã có Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới và Chương trình 30^a về giảm nghèo nhanh cho 62 huyện có tỷ lệ nghèo cao, lại có kinh nghiệm của 5 năm thực hiện thực hiện Chương trình 135, *vì vậy cơ chế chính sách hỗ trợ đặc thù cho những xã đặc biệt khó khăn thời gian tới cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp, có hiệu quả hơn* và vẫn nằm trong khuôn khổ Đề án giảm nghèo và an sinh xã hội thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2. Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ cho những xã đặc biệt khó khăn về nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất giai đoạn 2011 - 2015; qua đó làm cho người dân hiểu rõ mục đích ý nghĩa, nội dung cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp trong quá trình tổ chức thực hiện dự án và có sự tham gia của người dân từ khi lập kế hoạch cho đến khâu giám sát thực hiện.

- Xác định rõ những cây, con có giá trị kinh tế, phù hợp quy hoạch hàng hoá của vùng, phù hợp với điều kiện sản xuất của đồng bào để hướng dẫn các hộ đối tượng lựa chọn sản xuất.

- Tập huấn kiến thức kỹ thuật sản xuất, bảo quản, chế biến theo sản phẩm mà người dân đã chọn, hướng họ tham gia vào sản xuất hàng hoá có thu nhập cao, để đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Áp dụng chính sách hỗ trợ giống, phân bón theo định mức khuyến nông đối với vùng đặc biệt khó khăn, do đó nhà nước cần hỗ trợ cho dự án này mức 300 triệu đồng/xã, 50 triệu đồng/thôn.

- Hỗ trợ đồng bào có vốn sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng vay tín dụng. Cần thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất (khoảng 30% lãi suất tiền vay); thủ tục vay đơn giản (đã có mẫu lập đề án cho các hộ nông dân xã hướng dẫn và xác nhận thể chấp) để khuyến khích người dân vay vốn cho sản xuất.

- Đổi mới một số quy định tài chính chưa phù hợp ở giai đoạn trước để áp dụng cho giai đoạn này, gồm:

- Việc cấp vốn hỗ trợ của kho bạc phải phù hợp với thời vụ nông nghiệp, theo đó việc cấp vốn cho sản xuất vụ Xuân phải đến hộ trước tháng 12 năm trước; vốn cho sản xuất vụ Mùa phải trước tháng 5; vốn cho vụ Đông Xuân phải trước tháng 9.
- Bỏ chế độ thanh toán hoá đơn đồ đối với hộ nghèo, bởi nhiều vật tư, giống, dụng cụ người dân trao đổi, mua bán nội bộ với nhau.
- Có kinh phí quản lý chương trình cho cán bộ các cơ quan tỉnh, huyện trực tiếp tham gia chỉ đạo ở xã để thúc đẩy họ gắn bó với cơ sở.

- Cần thiết phải xây dựng hệ thống chỉ số để đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội đầy đủ của chương trình, nhằm có căn cứ đề xuất chính sách giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất Chương trình 135 giai đoạn 2006 - 2010 và đề xuất Chương trình giảm nghèo cho những xã đặc biệt khó khăn thời gian tới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát;
- Thứ trưởng Hồ Xuân Hùng;
- Lưu VT, KTHT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Minh Quang